

CHÍNH SÁCH XÃ HỘI DƯỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ SỰ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC CÔNG BẰNG XÃ HỘI.

ZUICOVA E.M

THỰC hiện đường lối chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tăng tốc của đất nước do Đại hội 27 Đảng Cộng sản Liên Xô đề ra và đã được cụ thể hóa trong nghị quyết của các khóa họp trung ương tiếp theo, Đảng Cộng sản Liên Xô đang thực hiện chủ trương hoàn thiện mọi lĩnh vực của xã hội XHCN. Sứ chú ý đặc biệt ở đây là chính sách xã hội, mà nội dung của nó liên quan chặt chẽ với những vấn đề chính trị, kinh tế và tư tưởng, cũng như với sự hình thành con người mới.

Về thực chất, cách tiếp cận này đối với chính sách xã hội, với nguyên tắc bình đẳng xã hội lần đầu tiên được đưa ra: bản thân hiện thực đòi hỏi sự chú ý như vậy đối với những vấn đề này bởi vì những mục tiêu đề ra đạt được hay không là phần lớn phụ thuộc vào đó. Ở Hội nghị Trung ương tháng giêng (năm 1987) đã nêu: “Cải tổ- đó là sự phát triển nặng về lĩnh vực xã hội... ; là sự giải thoát mạnh mẽ xã hội khỏi những sai lệch của nền đạo lý xã hội chủ nghĩa, là thực hiện triệt để những nguyên tắc công bằng xã hội trong cuộc sống”⁽¹⁾.

Hiện nay vấn đề tăng cường sự hoạt động nhằm thực hiện chính sách xã hội và nguyên tắc công bằng xã hội đang là trung tâm sự chú ý của các Đảng cộng sản và công nhân của các nước XHCN, đặc biệt của các nước trong khối SEV. Ở những đại hội Đảng vừa qua của các đảng anh em đã nêu rằng đại hội của những người cộng sản Liên Xô đã đề ra trong lĩnh vực này những nhiệm vụ rất quan trọng mà các đảng cần phải giải quyết. Ví dụ, ở Đại hội lần thứ 13 của Đảng Cộng sản Bungari đã nêu rằng cần xây dựng một trình độ mới về chất của chính sách xã hội. Chính sách xã hội cần gắn với nhân cách, với sự nâng cao nhu cầu vật chất và tinh thần của cá nhân. Đảng Cộng sản Bungari sẽ tiếp “tục phát triển nguyên tắc quan trọng của xã hội XHCN là nguyên tắc về sự công bằng xã hội, mà vì nó xã hội được xây dựng và phát triển”.⁽²⁾:

Chính sách xã hội với tư cách là phương tiện tăng nhanh

sự phát triển của xã hội, của sự hình thành con người mới.

Đại hội Đảng lần thứ 27 đã xác định những phương hướng cơ bản thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước chúng ta, đã xây dựng chương trình hành động cụ thể căn cứ vào những tiềm lực to lớn có thể có từ trước tới nay của chủ nghĩa xã hội. Những vấn đề của chính sách xã hội đã được xem xét trong mối liên hệ chặt chẽ với toàn bộ những nhiệm vụ hoàn thiện chủ nghĩa xã hội. Đại hội đã nêu: “Trình độ phát triển đã đạt được quy mô của những nhiệm vụ mới đã đề ra yêu cầu về một chính sách xã hội dài hạn, được cân nhắc sâu sắc, hoàn chỉnh, bao quát tất cả các mặt của đời sống xã hội”⁽³⁾ Chính sách

¹ Tài liệu Hội nghị Trung ương của Đảng Cộng sản Liên Xô 27 - 28 tháng 1-1987 M. 1987, tr. 16.

² Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội 1986. số 7. tr. 5

³ Tài liệu đại hội XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô, M. 1986, tri 45

xã hội được xây dựng trong các văn kiện của Đảng có ghi nhận sự cải thiện triệt để đời sống của nhân dân, khẳng định nguyên tắc công bằng xã hội trong mọi lĩnh vực của quan hệ xã hội, sự đổi mới các hình thức và phương pháp hoạt động của các thể chế chính trị và tư tưởng, mở rộng dân chủ XHCN, kiên quyết khắc phục sự trì trệ, sức ì và chủ nghĩa bảo thủ.

Nội dung chủ yếu của chính sách xã hội đã được phản ánh trong cương lĩnh mới của Đảng Cộng sản Liên Xô. Trong đó, những nhiệm vụ cơ bản được nêu lên là:

- Không ngừng cải thiện điều kiện sống và lao động của người dân xô-viết.
- Thực hiện ngày càng đầy đủ nguyên tắc công bằng xã hội trong mọi lĩnh vực quan hệ xã hội.
- Nhích gần các giai cấp, tầng lớp và các nhóm xã hội với nhau, khắc phục những khác biệt chủ yếu giữa lao động trí óc và lao động chân tay, giữa thành thị và nông thôn.
- Hoàn thiện các quan hệ dân tộc, củng cố tình hữu nghị giữa các dân tộc và các tộc người trong nước.

Nếu cụ thể hóa những điều này ra thì sẽ thấy rất rõ là chủ trương thực hiện chính sách xã hội của Đảng ta là nhằm mục đích đạt được sự phồn thịnh và sự phát triển toàn diện cho mọi thành viên của xã hội hình thành con người mới.

Như mọi người đều biết, Mác đã từng nói về con người như “một thực thể tộc loại” nghĩa là như một tổng thể của những đặc điểm vẫn có của toàn nhân loại, và về một cá thể cụ thể, mà ở đó những đặc điểm ấy được biến thái thông qua lăng kính, tinh giai cấp, tính dân tộc, giống loài, tuổi tác và các đặc điểm thuộc nhóm và cá nhân của cá thể đó. Điều mà hiện nay người ta quan tâm đến các phẩm chất xã hội qua con người chính là ở khía cạnh đó. Những phẩm chất của con người được hình thành thông qua hàng loạt các dạng hoạt động xã hội nhất định. Chưa bao giờ chính sách xã hội lại đặt vấn đề về sự cải tạo con người, nghiên cứu sâu sắc về các cá thể và về xã hội nói chung, về những vấn đề phát tán ý thức cá nhân và ý thức xã hội như ngày nay.

Những thành tố quan trọng của chính sách xã hội là củng cố liên minh giai cấp công nhân, nông dân, trí thức, tăng cường nội dung sáng tạo và tính tập thể trong lao động, nâng cao trình độ văn hóa của lao động, khuyến khích lao động có kỹ thuật và có hiệu quả cao vì lợi ích xã hội.

Chính sách xã hội được thực hiện trước hết nhằm thỏa mãn ngày càng đầy đủ những nhu cầu vật chất và tinh thần hợp lý của người lao động, và trên cơ sở mở rộng chế độ tự quản xã hội chủ nghĩa của nhân dân, thu hút ngày càng rộng rãi người công dân tham gia quản lý công việc của nhà nước và xã hội, củng cố hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong ý thức người dân, khẳng định những nguyên tắc đạo đức của chủ nghĩa xã hội, tinh thần tập thể và sự tương trợ của tinh thần đồng chí làm cho quần chúng có thể tiếp xúc rộng rãi với khoa học và văn hóa.

Thông qua chính sách xã hội mà thể hiện kết quả hoạt động kinh tế của người lao động, mà những kết quả này có liên quan trực tiếp đến lợi ích sống của họ. Trong chính sách xã hội thể hiện các mục đích cao cả của chủ nghĩa xã hội, thể hiện bản chất nhân đạo của chế độ mới. Cốt lõi của chính sách xã hội là quyền được lao động và thưởng phạt theo nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa xã hội, là đem lại cho người lao động những phúc lợi như nhà ở, phục vụ y tế, giáo dục, v.v... Chỉ cần nói rằng hơn 10 triệu người dân nước ta đã đón mừng năm 1987 trong những căn hộ mới. Chính sách xã hội có tác động tích cực đến kinh tế bởi vì các chủ thể cơ bản của nó lại là các giai cấp - mà mục đích hoạt động chủ yếu của các giai cấp là thực hiện những lợi ích cơ bản của mình.

Sau khi thanh toán những đối kháng xã hội trên cơ sở biến tư liệu sản xuất thành sở hữu xã hội, xã hội xã hội chủ nghĩa tạo ra một trình độ mới về chất cho sự thực hiện chính sách xã hội, tạo ra những điều kiện thuận lợi hơn cho tính tích cực sáng tạo của cá nhân, cho sự thỏa mãn những nhu cầu hợp lý của cá nhân. Khi nói về xã hội công sản mà ở đó nền công nghiệp sẽ được quản lý chung và có kế hoạch, Ăngghen đã viết như sau: nền công nghiệp ấy “đòi hỏi ở người ta phải có những năng khiếu phát triển toàn diện, những con người có khả năng xử lý trong toàn bộ hệ thống sản xuất”⁽⁴⁾.

Trong các tác phẩm của Lênin viết sau thời kỳ tháng 10 đã đặc biệt nhấn mạnh bản chất sáng tạo khách quan của con người, năng lực cải tạo hiện thực, khả năng tự biến đổi của nó trong quá trình sáng tạo thực tiễn, đã luận giải cho sự phụ thuộc của xã hội mới vào con người, vào năng lực phát giác nhiệm vụ phải làm, vào trình độ tự giác, vào các phẩm chất chính trị - đạo đức, kỹ sảo nghiệp vụ và trình độ văn hóa. Ngay ở những năm đầu của chính quyền xô - viết, Lê nin đã đề ra nhiệm vụ chuyển sang “sự giáo dục, huấn luyện và đào tạo những con người phát triển và được đào tạo toàn diện”⁽⁵⁾. Chính sách xã hội của Đảng ta chính là nhằm vào những cái đó.

Nhà nước tư sản cũng thực hiện chính sách xã hội. Nhưng nội dung chính sách xã hội ở đây mang tính chất hoàn toàn khác về nguyên tắc, được quy định bởi lợi ích của giai cấp thống trị nắm giữ trong tay toàn bộ tư liệu sản xuất. Ở đây việc tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện của con người không được đặt lên hàng đầu, cùng lắm chỉ là sự hỗ trợ cho những lớp người nhất định trong nhân dân và thực hiện những biện pháp hãn hữu trong lĩnh vực giáo dục và y tế mà thôi. Không thể không nói đến một tình hình là khi tìm cách đối lập chính sách xã hội tư sản với chính sách xã hội xã hội chủ nghĩa, các nhà lý luận tư sản lập tức giả chơi với chủ nghĩa Mác (hợp lý hóa, dân chủ hóa nhà nước và xã hội, nâng cao mức sống của người lao động, v.v.). Họ làm thế để nguy trang cho những đối kháng giai cấp, để xoa dịu mâu thuẫn giai cấp.

Trong chủ nghĩa xã hội, chính sách xã hội bao gồm các nguyên tắc nhân đạo của hoạt động sống của xã hội cũng như của cá nhân. Chính sách đó bảo đảm sự cân nhắc các quá trình sâu kín, loại trừ những gì có thể cản trở quá trình đi lên của chúng ta, định hướng sự tận dụng đúng đắn những nguồn dự trữ, cho phép tìm kiếm những hướng giải quyết có hiệu quả các nhiệm vụ đặt ra.

Việc hoàn thiện chính sách xã hội giữ vai trò to lớn trong công cuộc cải tổ XHCN, khắc phục những hiện tượng xa lạ với CNXH như hội nghị trung ương tháng 1 năm 1987. đã đề ra. Đã giải quyết tốt vấn đề công ăn, việc làm cho nhân dân, thực hiện những bảo đảm xã hội có tính nguyên tắc, trong khi đó chúng ta đã không thực hiện đầy đủ những khả năng của CNXH, cụ thể là trong việc cải thiện điều kiện nhà ở, cung cấp lương thực, phục vụ y tế, giáo dục và giải quyết một loạt các vấn đề khác.

Hiện nay, các nhiệm vụ này vẫn được xem là những nhiệm vụ trước mắt hàng đầu Đảng đang thực hiện một loạt các biện pháp để giải quyết vấn đề nhà ở, tiếp tục phát triển y tế, thể dục thể thao, quan tâm đến các cựu chiến binh và những người cựu trào của lao động, củng cố gia đình, cải thiện tình hình của những người phụ nữ đang làm mẹ, giáo dục thế hệ trẻ. Chương trình về lương thực của Liên Xô đến năm 1990 và chương trình đông bộ về phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và lĩnh vực dịch vụ đang được thực hiện. Sự hài hòa giữa quan hệ xã hội và giới tự nhiên, vấn đề bảo vệ môi trường đã được chú ý đặc biệt.

Một trong những nhiệm vụ chủ yếu là tiếp tục nâng cao đời sống của nhân dân, hoàn thiện cơ cấu sử dụng những phúc lợi vật chất, xã hội, văn hóa làm sao cho cái đó góp phần phát huy đầy đủ năng lực sáng tạo của mỗi cá nhân. Để đạt được các mục tiêu này thì khâu cơ bản là lao động có nội dung sáng tạo và có tính tập thể là trình độ văn hóa cao và kỹ sảo nghề nghiệp của người lao động.

Con đường chủ yếu để cải thiện đời sống của nhân dân là đẩy nhanh sự tiến bộ của khoa học - kỹ

⁴ Mác Ăng ghen toàn tập, tập 4, tr. 335

⁵ V.I Lênin: Toàn tập, tập 1, tr. 33

thuật. Sự phát triển và áp dụng khoa học và kỹ thuật trong sản xuất mang lại những hậu quả xã hội khác nhau. Trong xã hội tư bản, các chủ kinh doanh trước hết nghĩ về “sự đầu tư nhân lực”, “về tư bản nhân lực” nên dành phần lợi nhuận không đáng kể cho lĩnh vực xã hội. Tư bản đã và không thể có tính nhân đạo được. Nó đã giải quyết những mâu thuẫn mới bằng phương thức thủ cựu: cải thiện điều kiện sinh hoạt của một nhóm công nhân này thì lại quăng ra khỏi xí nghiệp một, nhóm công nhân khác, và đương nhiên điều đó sẽ dẫn đến sự bần cùng cho họ.

Chủ nghĩa xã hội có những mục tiêu khác. Chủ nghĩa xã hội quan tâm đến người lao động, đến phúc lợi và sự phát triển tinh thần của người lao động. Do đó, thu nhập thực tế của công nhân và nhân viên thường xuyên tăng lên. Ví dụ, tính theo thu nhập của một công nhân từ năm 1985 so với năm 1940 thì thu nhập tăng lên gấp 4,5 lần, còn đối với nông trang viên tăng lên 8 lần⁽⁶⁾. Tính từ năm 1980 đến năm 2000, thu nhập thực tế theo đầu người dự kiến tăng lên từ 1,6 đến 1,8 lần.

Các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng đặt ra các mục tiêu tương tự. Chẳng hạn Đại hội lần thứ XI Đảng Cộng nhân thống nhất Đức dự kiến từ năm 1986 đến 1990, sẽ tăng tổng thu nhập quốc dân lên 24 - 26%. Điều đó sẽ cho phép nâng cao hơn đời sống của nhân dân.⁽⁷⁾

Chiến lược kinh tế xã hội phối hợp của các nước thành viên của khối SEV dự kiến tạo điều kiện thuận lợi cho các nước đạt trình độ phát triển kinh tế như nhau. Những triển vọng dự kiến đều có khả năng thực hiện bởi vì chúng đều dựa vào nền tảng vững chắc của khối SEV. Tổng thu nhập quốc dân của các nước khối cộng đồng xã hội chủ nghĩa kể từ khi tổ chức này thành lập cho đến nay tăng lên gấp 9 lần, sản xuất hàng công nghiệp tăng gần 15 lần, nông nghiệp 2,6 lần⁽⁸⁾

Chính sách xã hội bao hàm cả những vấn đề như sự xích gần nhau của các giai cấp các tầng lớp và các nhóm xã hội, như sự khác phục những khác biệt chủ yếu giữa lao động trí óc và lao động chân tay, giữa thành thị và nông thôn. Vai trò chủ đạo trong việc giải quyết các vấn đề này thuộc về giai cấp công nhân là giai cấp có tính tổ chức và ý thức chính trị cao nên có khả năng tập hợp được nhân dân. Để thực hiện tốt vai trò đó của giai cấp công nhân còn không ngừng nâng cao trình độ văn hóa, giáo dục và nghề nghiệp và tích cực chính trị, xã hội, lao động của giai cấp công nhân.

Giải quyết những vấn đề xã hội phụ thuộc rất nhiều vào sự hoạt động tích cực của các tập thể lao động, vào việc nâng cao tính trách nhiệm của các tập thể đó trong việc giải quyết những vấn đề cụ thể có liên quan đến sự phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa của xã hội XHCN.

Sự hoàn thiện các quan hệ dân tộc, sự củng cố tình hữu nghị anh em giữa các dân tộc trong một quốc gia đa dân tộc thể hiện trong sự phồn thịnh của các dân tộc và các tộc người, trong sự xích lại gần nhau của các dân tộc trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, hợp tác. Điều này đã được nêu rõ trong cương lĩnh mới của Đảng Cộng sản Liên Xô. Tuy vậy phải luôn luôn thấy rằng sự phát triển của các quan hệ dân tộc không thể loại trừ những mâu thuẫn nhất định, mà chúng ta phải kịp thời phát hiện và giải quyết trên cơ sở chính sách dân tộc của Lênin. Đảng ta đã và luôn luôn đặt vấn đề dân tộc trên lập trường của chủ nghĩa quốc tế.

Những nguyên tắc công bằng xã hội với tư cách là

Mục đích và nội dung của chính sách xã hội dưới CNXH.

Trong điều kiện của CNXH hiện thực, chính sách xã hội xây dựng trên cơ sở thực hiện nguyên tắc công bằng xã hội, nghĩa là xem xét mọi quá trình từ quan điểm lợi ích của người lao động. Trong đó phải xuất phát từ định hướng về triển vọng của chủ nghĩa cộng sản nhằm củng cố các cơ sở của chủ nghĩa

⁶ Liên Xô qua con số của năm 1985. Tập tài liệu thống kê văn tắt, M. 1986, số 8, tr. 9.

⁷ Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội, 1986, số 8, tr. 9.

⁸ Sách đã dẫn tr. 86, số 9, tr. 51

cộng sản, trong sự phát triển lĩnh vực xã hội.

Trên sách báo có một số quan điểm về công bằng xã hội. Chẳng hạn như Rôgôvin V.Z đã gắn bó với quan hệ phân khối, với các động cơ và với việc sử dụng quỹ tiêu dùng xã hội và thu nhập quốc dân (⁹). còn Rutkêvich M.N quy khái niệm này thuộc quan niệm đạo lý và pháp lý về cái gì là phù hợp và không phù hợp với luật pháp với các chừng mực của pháp luật và của đạo đức (¹⁰)

Xuất phát từ những luận điểm cơ bản nêu trong các tài liệu của Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ 27 và của hội nghị trung ương (tháng 1 năm 1987) chúng ta cho rằng nguyên tắc công bằng xã hội phản ánh những quan hệ đa dạng và có trách nhiệm hoàn thiện các quan hệ đó. Nguyên tắc này phải làm nền tảng, tiêu chuẩn cho sự đánh giá những hoạt động của xã hội trên lập trường bảo đảm và bảo vệ quyền lợi công dân và kinh tế của con người. Nguyên tắc này bao hàm cả khía cạnh chủ quan, khía cạnh giá trị được biểu hiện trong tình cảm về sự công bằng trên cơ sở đó hình thành nên những sự đánh giá của các nhóm và các cá nhân. Ví dụ, nếu trước kia người ta nói về sự thanh toán nạn nghèo khổ thì ngày nay công bằng xã hội gắn chặt chẽ hơn với sự bình đẳng xã hội hiểu theo nghĩa rộng nhất của danh từ, với lối sống mới, mà như ta biết, lối sống biểu thị sự hoạt động sống của cá thể, của nhóm xã hội và của toàn xã hội trong mọi lĩnh vực của đời sống. Chính là phải hiểu như thế về bản chất quyền lực thực tế, về sự bình đẳng của người công dân trước pháp luật, sự bình đẳng thực tế của các dân tộc, sự tôn trọng cá nhân và sự bảo đảm về mặt xã hội.

Công bằng xã hội phải bảo đảm được thước đo về lao động và thước đo về tiêu dùng, loại trừ những nguồn thu nhập phi lao động, những đặc quyền, đặc lợi, quan điểm bình quân chủ nghĩa, phải tôn trọng nguyên tắc cơ bản của CNXH. Công bằng xã hội là điều kiện bảo đảm tính ổn định chính trị của xã hội, tính uyển chuyển trong sự phát triển của xã hội. Công bằng xã hội xuyên suốt trong mọi mặt của cuộc sống: hạ tầng, thượng tầng, các quan hệ kinh tế, xã hội và tình cảm. Sự thực hiện nguyên tắc công bằng xã hội góp phần cho xã hội tiến lên một sự đồng nhất xã hội đầy đủ hơn. Tác động của nó gắn liền với tác động của nguyên tắc bình đẳng xã hội thể hiện tự do thực tế của cá nhân nhờ có sự thủ tiêu bóc lột, thủ tiêu các giai cấp đối kháng và thực hiện nguyên tắc “mỗi người cống hiến theo năng lực hưởng thụ theo lao động”, nguyên tắc về sự bình đẳng giữa các dân tộc, v.v...

Vấn đề bình đẳng xã hội đã được Lê nin nói tới nhiều. Người nói đến sự bình đẳng trong lĩnh vực chính trị (bình đẳng trước pháp luật), sự bình đẳng về kinh tế tiêu diệt các giai cấp bóc lột, sự bình đẳng đối với tư liệu sản xuất, địa vị trong xã hội, vị trí trong hệ thống sản xuất xã hội, quy mô và phương thức tiếp nhận phần của cải xã hội). Tuy vậy Lênin cũng đã đề phòng rằng những các đó không hề bảo đảm sự bình đẳng về thể lực và tinh thần (¹¹). Người đã phê phán sự giả dối của tư sản về sự bình đẳng hình thức. Ngày nay sự phê phán của Người vẫn còn có ý nghĩa. Sự phê phán đó ứng với các lý luận tư sản hiện đại vì chúng chỉ xem xét những biểu hiện bề ngoài của sự bình đẳng: dân chủ trong ăn mặc mọi người đều được lui tới ác cửa hàng, các nơi giải trí, xem phim ảnh, “bình đẳng trong hy vọng sống”.

Trong xã hội tư bản, những lý tưởng về sự bình đẳng đã bị phủ nhận vì lợi ích của sự mất bình đẳng và mất công bằng. Song vì một lẽ là những tư tưởng về sự bình đẳng của CNXH ngày càng xâm nhập sâu vào ý thức quần chúng lao động của phương Tây nên giới tuyên truyền tư sản nhiều khi buộc phải quy ghép nguyên tắc bình đẳng: về quan niệm đơn giản: “sự rập khuôn đồng đều” của những con người dưới chủ

⁹ Rôgavim V.Z, *Công bằng xã hội và một số vấn đề hoàn thiện quan hệ phân phối*. *Tự học chính trị* 1985.

¹⁰ Xem Rutkêvich M.N: *Công bằng xã hội, Nghiên cứu xã hội học*, 1986, N^o3, tr. 15.

¹¹ Xem V.I Lê nin: *Toàn tập*, tập 24, tr. 364

12. Mác ăng ghen: *Toàn tập*, tập 20 tr. 108-109

nghĩa xã hội. Lý luận Mác-lênin được họ xem như một thứ quân bình điển hình đối nghịch với quan điểm tiểu tư sản về tính bình quân gắn liền với chủ nghĩa cá nhân, bởi vì sự bình đẳng được xem như vấn đề có tính chất cá nhân, như khả năng vươn lên địa vị xã hội như nhau của những cá nhân riêng lẻ.

Về vấn đề này, Ăngghen đã viết: “Quan niệm về sự bình đẳng xét về hình thức - của tư sản cũng như vô sản tự nó là sản phẩm của sự phát triển lịch sử, để hình thành được quan niệm này cần phải có những điều kiện lịch sử nhất định, mà những điều kiện này đến lượt nó lại đòi hỏi một tiền sử lâu dài của nó. Do đó, quan niệm như vậy về sự bình đẳng có thể là bất kể cái gì, chỉ có cái là nó không phải là một chân lý vĩnh hằng” (12).

Ngày nay các lý luận gia tư sản thảo luận rộng rãi vấn đề tương quan giữa bình đẳng và công bằng, họ nêu lên những quan điểm khác nhau, song suy cho cùng các quan điểm ấy đều cho rằng “yêu cầu về sự bình đẳng đều bao chứa trong khái niệm về sự công bằng. Song tất cả các luận chứng đều trên bình diện của cái lôgic trừu tượng mà thôi” (13).

Chiếm hữu xã hội về tư liệu sản xuất, tính phổ biến của lao động và sự phân phối theo lao động là thành tựu vĩ đại của CNXH. Song sự phân phối theo lao động lại bao chứa sự không bình đẳng về mặt xã hội tuy nó được thực hiện trên nguyên tắc của sự công bằng xã hội. Sở dĩ như vậy là vì mỗi người lao động theo năng lực và hưởng thụ theo lao động đóng góp. Lênin đã viết: “Giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản chưa tự đưa lại sự bình đẳng và sự công bằng. Vẫn còn sự khác nhau về tài sản và sự khác biệt không công bằng, song chế độ người bóc lột người không còn nữa bởi vì không thể chiếm tư liệu sản xuất, nhà máy, máy móc, đất đai v.v... làm tư hữu được nữa” (14).

Nhưng cần nhớ rằng Nhà nước chúng ta quan tâm tới cả những người hoặc hoàn toàn hoặc một phần không có khả năng tham gia trong sản xuất xã hội (người tàn tật, phụ nữ đang nuôi con v.v...). Xã hội tạo ra những điều kiện cho mọi người được hưởng những phúc lợi như nhà ở, y tế các cơ sở nuôi dạy trẻ v.v...

Quá trình hoàn thiện CNXH kéo theo sự tạo lập một xã hội phi giai cấp, đồng nhất về mặt xã hội, các hình thức sở hữu xích gần lại nhau. Các cái đó sẽ tạo ra những tiền đề cho xã hội chúng ta chuyển sang một trạng thái mới về chất khi nguyên tắc bình đẳng xã hội được thể hiện đầy đủ hơn trên cơ sở của công bằng xã hội. Tạm thời vẫn còn khả năng tiếp nhận không đồng đều về thu nhập, về trình độ đại học, về sự tiến đạt trong xã hội, trình độ khác nhau về văn hóa trong những người lao động, mức độ hoạt động xã hội khác nhau, hoạt động chính trị khác nhau, sự không đồng nhất trong lao động, tàn dư của mất bình đẳng về mặt thể lực giữa nam và nữ trong sinh hoạt v.v... Tình hình này gắn liền với hiện tượng là sự phát triển của cơ cấu xã hội chịu sự tác động của hai khuynh hướng: khuynh hướng quy giảm của cơ cấu vĩ mô, nghĩa là sự xích gần lại nhau của các giai cấp của các nhóm xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, hoàn thiện lối sống xã hội chủ nghĩa và khuynh hướng phức tạp hóa cơ cấu vi mô trong nội bộ các giai cấp và các nhóm xã hội.

Tuy vậy những tình hình nêu trên đều không có ảnh hưởng hệ trọng đối với quá trình biến chứng, trong việc thực hiện ngày càng đầy đủ hơn sự bình đẳng xã hội, bởi vì, xã hội XHCN phát triển vì lợi ích của người lao động và do đó có khác hẳn với xã hội tư bản nơi hoàn toàn không có cơ sở vật chất và xã hội cho sự thực hiện nguyên tắc công bằng xã hội. V.Perlo, nhà kinh tế học Mỹ, đã viết trong bài “Lối sống Mỹ: ảo tưởng và hiện thực” rằng những điều kiện tồn tại khốn cùng như hiện nay ở Mỹ chưa hề thấy kể từ khi có sự suy thoái của những năm 30. Đồng thời nhà kinh tế ấy còn nhận xét rằng “đang thấy” sự

¹³ Xem Malxep G.V: *Chủ nghĩa quân bình tư sản: lai lịch của các quan niệm về bình đẳng xã hội trong thế giới tư sản M.*, 1984

¹⁴ V.I Lênin: Toàn tập, tập 33, tr. 93

phần thịnh vô liêm sỉ của tầng lớp trên trong xã hội: của nhóm độc quyền, bọn chủ ngân phiếu, nhà băng kếch xù; các tổ hợp, các công ty xuyên quốc gia chuyên sản xuất vũ khí (15). Những sự khác biệt và phân chia khác nhau về giai cấp và tài sản trở thành ngày càng gây nên sự phân rã rộng rãi của các tầng lớp nhân dân.

Xã hội XHCN không hề làm cho sự mất bình đẳng giữa các giai cấp và các nhóm xã hội thêm sâu sắc, ngược lại, nó dần dần khắc phục sự mất bình đẳng đó, tạo ra những tiền đề cần thiết cho việc thực hiện sự bình đẳng xã hội đầy đủ hơn trên cơ sở nguyên tắc công bằng xã hội.

Sự thực hiện chương trình xã hội được Đại hội 27 của Đảng Cộng sản Liên Xô đề ra dựa trên nguyên tắc về sự công bằng xã hội, có nghĩa là tăng cường ảnh hưởng của tính lợi ích vật chất, thay đổi tính chất của lao động dựa vào cơ giới hóa và tự động hóa có lưu ý đến những đặc điểm của dạng lao động chân tay phức tạp. Ví dụ như lao động đòi hỏi nghiệp vụ cao của người thợ tiện mẫu hoặc người thợ mỹ nghệ phải được trả lương cao hơn là người lao động chân tay không lành nghề. Đối với lao động chân tay giản đơn, nhiệm vụ đặt ra là đến năm 2000 sẽ giảm tỷ lệ từ 53% xuống còn khoảng 15-20% và dự kiến nâng trình độ tự động hóa sản xuất lên hai lần.

Thái độ của con người đối với lao động đáng được chú ý hơn cả. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy rằng hiện nay có thể chia ra làm 3 nhóm người có thái độ khác nhau đối với lao động. Nhóm thứ nhất xem lao động là nhu cầu sống hàng đầu; nhóm thứ hai có thái độ tốt với lao động; nhóm thứ ba không chấp nhận lao động theo lập trường của xã hội XHCN - đó thường là những người không tôn trọng kỷ luật lao động và rượu chè.

Thay đổi thái độ đối với lao động phụ thuộc vào các nhân tố sau: vào tác động của nguyên tắc công bằng xã hội, vào mức độ khuyến khích vật chất, vào trật tự và tính tổ chức trong sản xuất. Chủ trương của Đảng ta xem tiền lương phụ thuộc vào khối lượng và chất lượng của lao động, sự thực hiện chế độ nghiệm thu cấp nhà nước, việc đấu tranh chống những vi phạm luật pháp đã đưa lại những kết quả rõ rệt. Tuy vậy vấn đề này chỉ có thể được giải quyết đầy đủ trên cơ sở thay đổi tính chất tư duy của con người, trên cơ sở nhận thức sâu sắc về bản chất của những biến đổi của đất nước và xác định lập trường của từng người trong công cuộc cải tổ hiện nay.

Công bằng xã hội chỉ được thực hiện thông qua sự khắc phục những khác biệt căn bản giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Cơ sở để giải quyết nhiệm vụ này là: sự thực hiện chính sách nông nghiệp, biến lao động nông nghiệp thành một dạng của lao động công nghiệp, hoàn thiện hoạt động dịch vụ văn hóa và sinh hoạt ở nông thôn, làm cho lối sống và tính chất của lao động của công nhân và công dân xích gần lại nhau.

Sự thiết lập công bằng xã hội đòi hỏi mở rộng dân chủ xã hội, nâng cao tinh tích cực của người lao động trong đời sống chính trị - xã hội ở nước ta, dân chủ hóa đi theo hướng phát huy tính tích cực của các Hội đồng Xô-viết, của công đoàn, thanh niên các tập thể lao động, sự kiểm tra của nhân dân và tăng cường tính công khai hóa. Những phương hướng phát triển chế độ tự quản xã hội chủ nghĩa tạo thành nhiệm vụ chiến lược trong sự phát triển toàn bộ hệ thống chính trị của nhà nước toàn dân, như là công cụ chủ yếu để hoàn thiện xã hội XHCN, để tăng nhanh sự phát triển của nó và như công cụ để tổ chức quản chúng trên nền tảng dân chủ. Điều này sẽ bảo đảm cho xã hội chúng ta thực hiện đầy đủ sự bình đẳng.

Như vậy là sự bình đẳng xã hội chỉ được thực hiện trên cơ sở vận dụng đầy đủ nguyên tắc công bằng xã hội, và ngược lại, xuất phát điểm của nguyên tắc công bằng xã hội là nguyên tắc cơ bản của CNXH:

¹⁵ *Sinh hoạt quốc tế*, 1985, N°6, tr. 56

“Đóng góp theo năng lực, hưởng thụ theo lao động”. Sự thực hiện nguyên tắc này, trước hết thể hiện trong quan hệ thưởng phạt. Ai không làm thì không ăn là điều đương nhiên đối với người lao động. Chân lý giản đơn này là cơ sở của CNXH, là nguồn sức mạnh vô tận của CNXH, là cái bảo đảm cho thắng lợi cuối cùng của CNXH” (16)

Trong Hiến pháp của Liên xô ghi rõ: “Nguồn tăng trưởng của cải xã hội, sự phồn thịnh của nhân dân và của mỗi người dân Xô-viết là lao động thoát khỏi bóc lột của người dân Xô-riết... .

Lao động có ích cho xã hội và kết quả của nó quy định vị trí của con người trong xã hội. Biết kết hợp khuyến khích vật chất và tinh thần, khuyến khích sự đổi mới, thái độ sáng tạo đối với công việc đã làm cho lao động trở thành nhu cầu sống hàng đầu của mỗi người dân Xô-viết”... (17).

Hiện nay Đảng Cộng sản và Chính phủ Liên Xô đã tăng cường kiểm tra mức lao động và mức tiêu dùng. Chỉ thị về các biện pháp tăng cường đấu tranh chống các nguồn thu nhập phi lao động của Ủy ban Trung ương Đảng và chỉ thị của Đoàn Chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô “về sự tăng cường đấu tranh tìm kiếm nguồn thu nhập phi lao động” đã đề cập đến việc trừng phạt nghiêm ngặt đối với sự vi phạm pháp luật. Trong chỉ thị của Ủy ban Trung ương Đảng nêu rõ rằng “những người dân Xô-viết hiểu rất thấu rằng trong nhà nước chúng ta lao động tự nguyện vì lợi ích của nhân dân, củng cố sở hữu xã hội chủ nghĩa là nguồn gốc chủ yếu của sức mạnh về kinh tế và quốc phòng của đất nước, nguồn tăng trưởng sự phồn vinh vật chất của mỗi gia đình, là điều kiện quan trọng nhất của giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho mọi thành viên của xã hội, và là nghĩa vụ thiêng liêng của họ” (18)

Công bằng xã hội thông thể thực hiện được đầy đủ khi còn có những hiện tượng tiêu cực như tệ ăn cắp, đầu cơ tích trữ, ăn hối lộ, tham nhũng, lợi dụng phương tiện giao thông và diện tích nhà ở cho những mục đích vị kỷ, v.v... nó là những hiện tượng không thể chấp nhận được trong lối sống xã hội chủ nghĩa. Đối với lợi ích của người lao động. Đảng kêu gọi đấu tranh không khoan nhượng với chúng để làm cho luật pháp và những yêu cầu của công bằng XHCN được thực hiện triệt để trong mọi lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân và trong mọi lĩnh vực hoạt động.

Khi trong xã hội XHCN - lao động và sự phân phối theo lao động là sự biểu hiện tình công bằng thì những biện pháp thực hiện gần đây là hoàn toàn thỏa đáng: ở giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản nguồn thu nhập của người lao động vẫn là lương trả theo người lao động. Và hiện nay vấn đề hoàn thiện hệ thống tiền lương đang đặt ra gay gắt, sự tăng trưởng mức thu nhập thực tế của người lao động phụ thuộc vào năng suất lao động, vào chất lượng, điều kiện và kết quả lao động, vào sự tiết kiệm nguyên liệu v.v... Theo số liệu của các nhà xã hội học, cứ 10 người công nhân được phỏng vấn thì có 6 người tuyên bố rằng nếu tiền lương tương ứng với lao động họ đóng góp thì họ sẵn sàng nâng năng suất lên từ 10 đến 15% (19) Các nhà khoa học ở Nôvôxibiéc đã tiến hành khảo sát xã hội học ở khu vực sản xuất nông nghiệp và đã phát hiện rằng dưới cơ sở ở nông thôn, 90% những người lãnh đạo và 84% những người lao động bình thường cho rằng nếu như trong nhóm điều kiện kinh tế và tổ chức khác thì họ có thể lao động cống hiến nhiều hơn (20)

Tác động của quy luật nâng cao nhu cầu và giáo dục cho người lao động biết kết hợp nhu cầu vật chất

¹⁶ V.I Lênin toàn tập, t. 36, tr. 357 - 358

¹⁷ Hiến pháp Liên Xô, M. 1977, Tr. 14

¹⁸ Báo sự thật, ngày 28 tháng 5 năm 1986

¹⁹ Xem Camunhia I.I: Hoàn thiện những kích thích lao động. Chủ nghĩa cộng sản khoa học 1986, N°13. tr 73.

(20) Về con người Xô Viết và nhân tố con người: quan điểm mới và những giải pháp mới, Cộng sản. 1986, N° 7. tr.52

với nhu cầu linh thần có ý nghĩa quan trọng trong việc mở rộng tác dụng của nguyên tắc công bằng xã hội. Quy luật này xây dựng trên sự tác động qua lại chặt chẽ giữa sản xuất và tiêu dùng. Tiêu dùng không chỉ được tái tạo giản đơn, mà mở rộng phạm vi quy mô. Đương thời Lênin đã viết: “Sự phát triển tất yếu sẽ kéo theo sự tăng trưởng mức độ tiêu dùng của nhân dân. Quy luật tăng trưởng nhu cầu này đã thể hiện sức mạnh trong lịch sử” (21)

Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, quy luật tăng trưởng nhu cầu thể hiện tác động trên cơ sở trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất, của quan hệ sản xuất thống trị và của trình độ phát triển của ý thức. Giáo dục ý thức về nhu cầu hợp lý nghĩa là thoả mãn nhu cầu tùy thuộc vào khối lượng và chất lượng của lao động, vào nguồn thu nhập do lao động đưa lại. Tiêu chuẩn của nhu cầu hợp lý, của phương thức thoả mãn các nhu cầu là ở chỗ xem xét chúng tác dụng như thế nào trong quá trình thống nhất hai mặt: vừa cho sự phát triển cá nhân toàn diện, vừa cho sự tiến bộ của xã hội.

Mức độ tiêu dùng xã hội được xem như tiêu chuẩn để phân biệt giữa nhu cầu hợp lý và không hợp lý phải phù hợp hoàn toàn với tiêu chuẩn đạo đức của nền đạo đức xã hội chủ nghĩa. Nhu cầu hợp lý có tác dụng nâng cao trình độ văn hóa tiêu dùng, làm cho con người tiếp cận được với tài sản tinh thần. Bởi vậy một trong những nhiệm vụ cấp bách là tạo ra những điều kiện cho sự phát triển những khả năng vật chất và văn hóa song song với việc nâng cao trình độ văn hóa và đạo đức, tư tưởng của con người.

Những nhu cầu vật chất và tinh thần trong xã hội XHCN ngày càng được thoả mãn đầy đủ hơn. Trong cương lĩnh mới của Đảng Cộng sản Liên Xô có nêu: “Đảng sẽ và mãi mãi làm tất cả những gì cần thiết cho sự tăng trưởng không ngừng các nguồn thu nhập thực tế của người lao động và cho sự không ngừng nâng cao đời sống của mọi tầng lớp và mọi nhóm xã hội tương ứng với khả năng kinh tế của đất nước” (22). Đảng Cộng sản Liên Xô rất coi trọng việc làm cho quần chúng lao động tiếp thu đầy đủ và sâu sắc các tài sản văn hóa tinh thần và vật chất, tham gia tích cực vào hoạt động sáng tạo nghệ thuật.

Nguyên tắc công bằng xã hội được thực hiện phụ thuộc trực tiếp vào sự hình thành thế giới quan Mác-lênin ở con người. Lênin viết: “Đề lên hàng đầu trong sự hoạt động của mình là rèn luyện trong các thành viên của mình một thế giới quan triệt để cách mạng và hoàn chỉnh, là cho họ làm quen nghiêm túc với chủ nghĩa Mác” (23) Đó cũng là nhiệm vụ cấp bách của ngày hôm nay.

Đại hội XXVII của Đảng Cộng sản Liên Xô nêu rõ rằng sự tham gia có ý thức của người dân Xô-viết, những con người am hiểu học thuyết Mác - Lênin, nắm được hệ thống quan điểm triết học, kinh tế học, chính trị xã hội trong việc xây dựng chính sách của Đảng trong sự thực hiện tích cực chính sách là điều rất cần thiết. Hệ thống các quan điểm này còn phải được giáo dục một cách tích cực trong nhà trường, trong các trường đại học, bằng các phương tiện thông tin và tuyên truyền công cộng. Con người cần có những lập trường công dân dứt thoát, có tinh thần tập thể, lòng yêu nước và thái độ sáng tạo đối với lao động bởi vì: “Chúng ta tự làm ra cái gì thì chúng ta sẽ có cái đó và chúng ta sẽ sống như thế” như lời đồng chí Gooc-ba-trốp nói trong Báo cáo chính trị của BCH TW đảng tại Đại hội XXVII của Đảng Cộng sản Liên Xô (24)

²¹ V.I Lênin toàn tập, tập 1, tr. 161

²² Tài liệu Đại hội Đảng XXVII của Đảng cộng sản Liên Xô, Tr. 152

²³ V.I Lênin toàn tập, tập 1, tr. 253

²⁴ Tài liệu đại hội đảng XXVII của Đảng cộng sản Liên Xô, tr. 45